

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04 – 9 – 2020

“V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cư;
2. Ông Phạm Hồng Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 2, ấp 3, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt);

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 11, ấp 4, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Phạm Văn Đ tự tìm hiểu, quen biết nhau trước và sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến chung sống như vợ chồng vào năm 2006, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Kể từ khi chị L và anh Đ chung sống nhau cho đến năm 2016

thì xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2016 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn trong quá trình chung sống thường bất đồng quan điểm, vợ chồng cự cãi thường xuyên.

Trong khoảng thời gian chị L và anh Đ không còn chung sống thì chị L và anh Đ không có liên lạc gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng, kể cả cha, mẹ hai bên cũng không liên lạc hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị L và anh Đ.

Nay, chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống chung được và chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ.

- *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, chị L và anh Đ có 02 con chung tên Phạm Thị Thảo T, sinh ngày 09/7/2007 và Phạm Nguyễn Thảo V, sinh ngày 22/3/2016; hiện hai cháu đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu T và V đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Phạm Văn Đ đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Chị L và anh Đ chung sống như vợ chồng, do chị L và anh Đ không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Nguyễn Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Phạm Văn Đ vắng mặt.

- *Phát biểu của Kiểm sát viên*:

+ *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử*:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa*:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ *Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Phạm Văn Đ đã được Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Tuy nhiên, anh Đ vắng mặt không rõ lý do tại phiên tòa tại phiên tòa 02 lần không rõ lý do.

+ *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, chị L và anh Đ chung sống nhau như vợ chồng từ năm 2006, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 14, 15, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Phạm Văn Đ.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Thảo T, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2007 và Phạm Nguyễn Thảo V, sinh ngày 22/3/2016. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Mỹ L được chấp nhận, chị L chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn Đ, anh Đ có nơi cư trú tại tổ 11, ấp 4, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Phạm Văn Đ vắng mặt lần thứ hai. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn Đ.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2006, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến năm 2016, chị L và anh Đ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống.

Qua biên bản xác minh ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, được biết Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

xác nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Phạm Văn Đ không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Phạm Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2006, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét, không công nhận chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Phạm Văn Đ là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung tên Phạm Thị Thảo T, sinh ngày 09/7/2007 và Phạm Nguyễn Thảo V, sinh ngày 22/3/2016 hiện các cháu đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi các con tên T và V cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L giao các cháu T và V cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu T và V thành niên và có khả năng lao động được và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T.

Chị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày, chị L và anh Đ không có tài sản chung và nợ chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị L và anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Phạm Văn Đ.

2. *Về nuôi con chung:* Có 02 con chung tên Phạm Thị Thảo T, sinh ngày 09/7/2007 và Phạm Nguyễn Thảo V, sinh ngày 22/3/2016. Giao các cháu Phạm Thị Thảo T, sinh ngày 09/7/2007 và Phạm Nguyễn Thảo V, sinh ngày 22/3/2016 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi các cháu T và V thành niên và có khả năng lao động được. Anh Phạm Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa Nguyễn Thị Mỹ L và anh Phạm Văn Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Chị Nguyễn Thị Mỹ L chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002597 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã Vĩnh Xương;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm